

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH

1. Đào tạo theo định hướng nghiên cứu

1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo định hướng nghiên cứu có các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

PO1. Nắm vững và làm chủ kiến thức nâng cao về kinh tế và kinh doanh, các kiến thức chuyên sâu của ngành quản trị kinh doanh.

PO2. Có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghiên cứu để phát hiện vấn đề, đề xuất mô hình/vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

PO3. Có phẩm chất chính trị và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có năng lực quản lý; có khả năng đưa ra các sáng kiến và những kết luận quan trọng trong lĩnh vực chuyên môn; có sức khỏe; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của Việt Nam và Quốc tế.

1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

PLO	Mã PLOs	Mô tả
PLO1: Kiến thức	Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ QTKD đạt được yêu cầu về kiến thức như sau:	
	PLO1.1	Vận dụng được kiến thức triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học vào phân tích, đánh giá vấn đề thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh.
	PLO1.2	Vận dụng được kiến thức nâng cao về kinh tế và kinh doanh vào nghiên cứu và điều hành quản trị kinh doanh.
	PLO1.3	Phân tích được các tình huống thực tiễn về quản trị kinh doanh và vận dụng các kiến thức chuyên sâu của ngành học để nghiên cứu đề xuất các giải pháp cho các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.
	PLO1.4	Đề xuất được mô hình/vấn đề nghiên cứu nhằm xử lý cách vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực kinh doanh một cách khoa học.
PLO2: Kỹ năng	Học viên học xong chương trình này có được các kỹ năng sau:	
	PLO2.1	Học viên học xong chương trình này có được các kỹ năng sau:

PLO	Mã PLOs	Mô tả
	PLO2.2	Tổ chức, truyền đạt, hướng dẫn, hợp tác, quản trị và quản lý các hoạt động quản trị kinh doanh; kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, bảo vệ quan điểm, luận điểm trong nghiên cứu.
	PLO2.3	Hình thành được tư duy phản biện và phát hiện, giải quyết các vấn đề thuộc ngành QTKD một cách khoa học.
	PLO2.4	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ để có thể đáp ứng tốt các công việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc chuẩn quốc tế hoặc tương đương.
PLO3: Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO3.1	Tìm hiểu, phát hiện, giải quyết các vấn đề và đề xuất những sáng kiến quan trọng trong công tác dựa trên dữ liệu khoa học.
	PLO3.2	Có sức khỏe, có phẩm chất chính trị, có phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, tự học, tự bồi dưỡng và thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao trong môi trường quốc tế.
	PLO3.3	Đưa ra được kết luận mang tính khoa học về các vấn đề thực tiễn kinh doanh; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận mang tính khoa học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý
	PLO3.4	Triển khai thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

Ma trận đóng góp CĐR

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã HP	TC	Số tiết			Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	Năm	
								1	2
I			12						
1	Triết học (<i>Philosophy of Maxism – Leninism</i>)	PHI 641	4	3	48	24	PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PO5(PI5.2) PLO9(PI9.1)	x	
2	Văn hoá Việt Nam (Vietnamese culture)	VNC6 51	5				PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PO5(PI5.2) PLO9(PI9.1)		
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (<i>Advanced Research Method in Management</i>)	MSR 631	3	3	36	18	PLO1 (PI1.2);PLO3 (PI3.2) PLO4 (PI4.2) PLO(PI7.1);PLO8(PI8 .2)	x	

II			12						
			6						
4	Kinh tế học quản lý nâng cao (<i>Advanced Economics in Management</i>)	MAE 631	3	3	36	18	PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2) PLO(P17.1);PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
5	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	STM 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.1); PLO6(PI6.1) PLO(P17.1);PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
			6						
	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human resource management</i>)	HRM 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(PI8.1;PI8.2);PLO9		
	Phân tích định lượng trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced quantitative analysis in Management</i>)	BUS 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(PI8.1;PI8.2);PLO9		
	Thống kê kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Statistics</i>)	QAB 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(PI8.1;PI8.2);PLO9		
	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Corporate Financial management</i>)	AFM 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(PI8.1;PI8.2);PLO9		
	Lý thuyết ra quyết định trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Theory of Managerial Decision Making</i>)	TDM 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(PI8.1;PI8.2);PLO9		
	Quản trị Kinh doanh quốc tế nâng cao (<i>Advanced International Business Management</i>)	INB 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(PI8.1;PI8.2);PLO9		
	Luật kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Law</i>)	BUL 631	3	3	36	18	PLO2 (PI1.1) PLO4 (PI4.1,PI4.2)		

							PLO(P17.1);PLO8(P18.1;PI8.2);PLO9		
	Kế toán quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Accounting</i>)	MAA 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;PI8.2);PLO9		
	Nghiên cứu Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Research</i>)	MRE 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;PI8.2);PLO9		
	Hành vi tổ chức nâng cao (<i>Advanced Human Behavior in Organization</i>)	ENB 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;PI8.2);PLO9		
	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	MAM 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;PI8.2);PLO9		
	Thị trường và các định chế tài chính nâng cao (<i>Advanced financial markets and institutions</i>)	FIM 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;PI8.2);PLO9		
III			9						
			3						
8	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Risk management in enterprise</i>)	ARM 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;PI8.2);PLO9		
			6						
	Quản trị chi phí kinh doanh (<i>Advanced Cost management</i>)	BCM 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;PI8.2);PLO9		
	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao (<i>Advanced Supply Chain Management</i>)	SCM 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3)		

							PLO(P17.1);PLO8(P18.1;P18.2);PLO9		
	Quản trị dự án nâng cao (<i>Advanced Project Management</i>)	PRM 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;P18.2);PLO9		
	Quản trị sản xuất nâng cao (<i>Advanced Operations Management</i>)	OPM 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;P18.2);PLO9		
	Thương mại điện tử nâng cao (<i>Advanced E-commerce</i>)	ECB 631	3						
	Quản trị chất lượng nâng cao (<i>Advanced Quality Management</i>)	QUM 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;P18.2);PLO9		
	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Communication System</i>)	MIS 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;P18.2);PLO9		
	Văn hoá doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Organizational Culture</i>)	ORC 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;P18.2);PLO9		
	Kỹ năng quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Skills</i>)	MAS 631	3	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;P18.2);PLO9		
	Đàm phán trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Negotiation in business</i>)	NCR 631	3				PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(P17.1);PLO8(P18.1;P18.2);PLO9		
VI			27						
4.1	Chuyên đề thực tế 1		6	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO3 (PI3.1); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO6(PI6.2); PLO7(PI7.1,PI7.2);		

							PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
4.2	Chuyên đề thực tế 2		6	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO3 (PI3.1); PLO4 (PI4.1); PLO6(PI6.2); PLO7(PI7.1,PI7.2); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
4.3	Luận văn tốt nghiệp	MAE 907	15	9			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO3 (PI3.1); PLO4 (PI4.1); PLO5 (PI5.1;5.2, PI5.3); PLO6 (PI6.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO8(PI8.1; PI8.2); PLO9		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			60						

2. Đào tạo theo định hướng ứng dụng

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng có các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

Mục tiêu cụ thể

PO1. Nắm vững và làm chủ kiến thức nâng cao về kinh tế và kinh doanh, các kiến thức chuyên sâu của ngành quản trị kinh doanh.

PO2. Có kỹ năng chuyên môn sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

PO3. Có phẩm chất chính trị và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có năng lực quản lý; có khả năng đưa ra các sáng kiến và những kết luận quan trọng trong lĩnh vực chuyên môn; có sức khỏe; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

2.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

PLO	Mã PLOs	Mô tả
PLO1: Kiến thức	Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sỹ QTKD đạt được yêu cầu về kiến thức như sau:	
	PLO1.1	Vận dụng được kiến thức triết học, phương pháp xử lý số liệu vào phân tích, đánh giá vấn đề thực tiễn tình hình kinh

PLO	Mã PLOs	Mô tả
		tế - xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh.
	PLO1.2	Vận dụng được kiến thức nâng cao về kinh tế và kinh doanh vào điều hành quản trị kinh doanh.
	PLO1.3	Phân tích được các tình huống thực tiễn và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề phức tạp trong công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh.
	PLO1.4	Đề xuất được các giải pháp xử lý các vấn đề một cách chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực QTKD.
PLO2: Kỹ năng	Học viên học xong chương trình này có được các kỹ năng sau:	
	PLO2.1	Đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh.
	PLO2.2	Thực hiện được các hoạt động gồm tổ chức, truyền đạt, hướng dẫn, hợp tác, quản trị và quản lý các hoạt động kinh doanh trong tổ chức.
	PLO2.3	Hình thành được tư duy phản biện và phát hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.
	PLO2.4	Sử dụng ngoại ngữ để có thể đọc được các báo cáo chuyên ngành và giao tiếp thành thạo trong công việc. Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PLO3: Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO3.1	Đề xuất những sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
	PLO3.2	Thích ghi và định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao. Có nhận thức về chính trị, có ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp và năng lực quản lý; có sức khỏe, có năng lực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
	PLO3.3	Đưa ra được kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực

PLO	Mã PLOs	Mô tả
		QTKD.
	PLO3.4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong điều hành, quản lý doanh nghiệp.

ĐÓNG GẮP MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA KHUNG ỨNG DỤNG

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã học phần	Số TC	Số tiết		Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	Năm	
							1	2
I			12					
1	Triết học (<i>Philosophy of Maxism – Leninism</i>)	PHI 641	3	48	24	PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PO5(PI5.2) PLO9(PI9.1)		
2	Văn hoá Việt Nam (<i>Vietnamese and Vietnamese culture</i>)	VNC 651	5			PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PO5(PI5.2) PLO9(PI9.1)		
3	Phân tích định lượng trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced quantitative analysis in Management</i>)	BUS 631	3			PLO1 (PI1.2);PLO3 (PI3.2) PLO4 (PI4.2) PLO(Pi7.1);PLO8(PI8.2)		
II			15					
			9					
4	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	STM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO8 (PI8.1;PI8.2); PLO9		
5	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human resource management</i>)	HRM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(Pi7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Enterprise Financial management</i>)	AFM 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(Pi7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		

			6					
7,8	Kinh tế học quản lý nâng cao (<i>Advanced Economics in Management</i>)	MAE 631	3	36	18	PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO5 (PI5.2) PLO7 (PI7.1); PLO8 (PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Lý thuyết ra quyết định trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Theory of Managerial Decision Making</i>)	TDM 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Thống kê kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Statistics</i>)	QAB 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Quản trị kinh doanh quốc tế nâng cao (<i>Advanced International Business management</i>)	INB 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Luật kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Law</i>)	BUL 631	3	36	18	PLO2 (PI1.1); PLO4 (PI4.1,PI4.2) PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Kế toán quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Accounting</i>)	MAA 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO7 (PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Nghiên cứu Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Research</i>)	MRE 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO7 (PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Hành vi tổ chức nâng cao (<i>Advanced Human Behavior in Organization</i>)	ENB 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO7 (PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		

	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	MAM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Thị trường và các định chế tài chính nâng cao (<i>Advanced financial markets and institutions</i>)	FIM 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO7 (PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
III			18					
			9					
9	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao (<i>Advanced Supply Chain Management</i>)	SCM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO7 (PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
10	Quản trị chi phí kinh doanh (<i>Cost management</i>)	BCM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO7 (PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
11	Quản trị dự án nâng cao (<i>Advanced Project Management</i>)	PRM 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO7 (PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
			9					
12, 13, 14	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Risk management in enterprise</i>)	ARM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO7 (PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Quản trị sản xuất nâng cao (<i>Advanced Operation Management</i>)	OPM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		

	Quản trị chất lượng nâng cao (<i>Advanced Quality Management</i>)	QUM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Communication System</i>)	MIS 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Văn hoá tổ chức nâng cao (<i>Advanced Organizational culture</i>)	ORC 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Kỹ năng quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Skills</i>)	MAS 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Đàm phán trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Negotiation in business</i>)	NCR 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
	Quản trị công nghệ và đổi mới nâng cao (<i>Advanced Technology management and innovation</i>)	ATM 631	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO(PI7.1); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
IV			15					
4.1	Chuyên đề thực tế 1 (Seminar 1)		3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO3 (PI3.1); PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO6(PI6.2); PLO(PI7.1,PI7.2); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
4.2	Chuyên đề thực tế 2 (Seminar 2)		3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO3 (PI3.1) PLO4 (PI4.1); PLO6(PI6.2) PLO(PI7.1,PI7.2);		

						PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
4.3	Đề án tốt nghiệp (Seminar 3)	MAE 907	9			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO3 (PI3.1) PLO4 (PI4.1); PLO6(PI6.2) PLO(PI7.1,PI7.2); PLO8(PI8.1;PI8.2); PLO9		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			60					